

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU
TƯ
Số: 05/2001/TT-BKH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2001

THÔNG TƯ

Hướng dẫn hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam

Căn cứ Nghị định 22/1999/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 1999 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 75/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài như sau:

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Doanh nghiệp Việt Nam được đầu tư ra nước ngoài thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này bao gồm:

- Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước;
- Hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã;
- Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp (sau đây gọi chung là doanh nghiệp Việt Nam)

2. Thông tư này chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài dưới hình thức đưa vốn bằng tiền hoặc các tài sản được phép khác ra nước ngoài để đầu tư trực tiếp theo quy định của Nghị định 22/1999/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 1999 của Chính phủ.

3. Thông tư này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

- Đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

b) Đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam dưới các hình thức cho vay tín dụng; mua cổ phiếu; đấu thầu quốc tế; đầu tư ra nước ngoài trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm.

Điều 2. Cấp Giấy phép đầu tư ra nước ngoài

1. Doanh nghiệp Việt Nam chỉ được phép đầu tư ra nước ngoài sau khi được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy phép đầu tư ra nước ngoài.

2. Việc xem xét cấp Giấy phép đầu tư ra nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định 22/1999/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 1999 của Chính phủ trên cơ sở phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội trong từng thời kỳ và được thực hiện theo một trong hai quy trình sau đây:

- a) Đăng ký cấp Giấy phép đầu tư;
- b) Thẩm định cấp Giấy phép đầu tư.

Điều 3. Hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép đầu tư

1. Đối với những dự án đầu tư ra nước ngoài mà chủ đầu tư không thuộc thành phần kinh tế Nhà nước và có vốn đầu tư dưới 1.000.000 đô la Mỹ được quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 22/1999/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 1999 của Chính phủ, doanh nghiệp Việt Nam lập hồ sơ dự án theo quy trình đăng ký cấp Giấy phép đầu tư ra nước ngoài gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư gồm các tài liệu sau đây:

- a) Đơn đăng ký đầu tư ra nước ngoài;
- b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp (có công chứng);
- c) Văn bản chấp thuận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp (nếu có); hợp đồng, bản thỏa thuận với bên nước ngoài về dự án đầu tư (đối với trường hợp liên doanh hoặc các loại hình đầu tư khác có bên nước ngoài tham gia).
- d) Báo cáo tình hình tài chính của doanh nghiệp trong 01 năm gần nhất (có kiểm toán).

2. Hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép đầu tư được lập thành 05 bộ, trong đó ít nhất có 01 bộ gốc. Đơn đăng ký đầu tư ra nước ngoài thực hiện theo Mẫu 1 của Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thủ tục đăng ký cấp Giấy phép đầu tư trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 4. Hồ sơ thẩm định cấp Giấy phép đầu tư

1. Đối với những dự án đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Nhà nước không phân biệt quy mô và mục đích đầu tư và các dự án đầu tư của các thành phần kinh tế khác có vốn đầu tư từ 1.000.000 đô la Mỹ trở lên được quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 22/1999/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 1999 của Chính phủ, doanh nghiệp Việt Nam lập hồ sơ dự án theo quy trình thẩm định cấp Giấy phép đầu tư ra nước ngoài gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Hồ sơ dự án thẩm định cấp Giấy phép đầu tư bao gồm các tài liệu sau đây:

- a) Đơn xin đầu tư ra nước ngoài;
- b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp (có công chứng);
- c) Giải trình về dự án đầu tư;
- d) Văn bản chấp thuận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp (nếu có); hợp đồng, bản thỏa thuận với bên nước ngoài về dự án đầu tư (đối với trường hợp liên doanh hoặc các loại hình đầu tư khác có bên nước ngoài tham gia).
- e) Báo cáo tình hình tài chính của doanh nghiệp trong 01 năm gần nhất (có kiểm toán).
- g) Văn bản chấp thuận đầu tư ra nước ngoài của cơ quan ra quyết định thành lập doanh nghiệp (nếu là doanh nghiệp Nhà nước) hoặc của ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh (nếu là doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác).

2. Hồ sơ thẩm định cấp Giấy phép đầu tư được lập thành 08 bộ, trong đó ít nhất có 01 bộ gốc. Đơn xin đầu tư ra nước ngoài và Giải trình về dự án đầu tư thực hiện theo Mẫu 2 và 3 của Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

3. Quy trình và nội dung thẩm định theo quy định tại Điều 10 Nghị định 22/1999/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 1999 của Chính phủ.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung hồ sơ dự án